

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29- 9 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Đào Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh;

2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Linh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lại Thị C, sinh năm 1990;

Nơi thường trú: tổ A, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Nơi ở hiện tại: số nhà B, tổ C, phường P, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: anh Phạm Sỹ B, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: số nhà D, tổ Đ, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (nay là số nhà D, tổ Đ, phường T, tỉnh Ninh Bình)

(chị Lại Thị C có mặt, anh Phạm Sỹ B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Lại Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lại Thị C và anh Phạm Sỹ B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 6 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường Lê Hồng Phong,

thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 2, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (nay là tổ 2, phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình) cùng với bố mẹ đẻ anh B. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do vợ chồng không cùng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thậm chí có lần đánh nhau. Do vậy, chị C đã đưa con về bố mẹ đẻ chị C ở Hà Nam (cũ) sinh sống cho đến năm 2020 được sự đồng ý của hai bên gia đình chị C đưa con về thuê nhà ở thành phố Ninh Bình để vợ chồng hàn gắn quan hệ tình cảm và cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, sau khi về sống chung thì vợ chồng vẫn không thể hàn gắn tình cảm, mặc dù cả hai bên gia đình đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có hiệu quả. Từ năm 2022 vợ chồng chính thức sống ly thân cho đến nay và không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị C xét thấy về tình cảm giữa chị C không còn yêu thương anh B, khả năng đoàn tụ gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, kéo dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau nên chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Phạm Sỹ B.

Về con chung: chị Lại Thị C và anh Phạm Sỹ B có 01 con chung là cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 23/9/2015, cháu Tuấn A vẫn ở với chị C từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nếu được ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Lại Thị C yêu cầu anh Phạm Sỹ B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng/tháng) cho đến khi cháu Phạm Tuấn A đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: chị Lại Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn là anh Phạm Sỹ B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Sỹ B đồng ý với trình bày của chị Lại Thị C về việc kết hôn giữa hai người. Sau khi anh chị kết hôn có về chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh B, sau đó vì điều kiện công việc của chị C nên vợ chồng cũng không ở cố định một chỗ, còn bản thân anh B vẫn ở cùng với bố mẹ đẻ ở số nhà D, tổ Đ, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (nay là số nhà D, tổ Đ, phường T, tỉnh Ninh Bình). Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình chưa đến mức phải ly hôn, do vậy anh B đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện để vợ chồng anh chị đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về việc nuôi con: anh Phạm Sỹ B đồng ý với phần trình bày của chị Lại Thị C là vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 23/9/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Phạm Tuấn A. Về cấp dưỡng nuôi con anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Lại Thị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Tuấn A thì về cấp dưỡng nuôi con anh B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

- Chi Lại Thị C được ly hôn anh Phạm Sỹ B;

- Về con chung: giao cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 23/9/2015 cho chị Lại Thị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phạm Tuấn A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Phạm Sỹ B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng là 2.000.000 (hai triệu đồng) trên 1 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phạm Tuấn A đủ 18 tuổi.

Về án phí: chị Lại Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Phạm Sỹ B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Phạm Sỹ B, có địa chỉ cư trú số nhà 279, tổ 2, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (nay là số nhà 279, tổ 2, phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình).

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh B vẫn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung. Tại phiên tòa bị đơn

vẫn vắng mặt mà không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là có căn cứ.

[2] **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lại Thị C và anh Phạm Sỹ B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 6 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo đúng quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn nên hôn nhân giữa chị Lại Thị C và anh Phạm Sỹ B là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị Lại Thị C và anh Phạm Sỹ B hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thậm chí có lần đánh nhau dẫn đến chị C đã đưa con về bố mẹ đẻ chị C ở Hà Nam (cũ) sinh sống. Đến năm 2020 được sự đồng ý của hai bên gia đình chị C đưa con về thuê nhà ở thành phố Ninh Bình để vợ chồng hàn gắn quan hệ tình cảm và cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, sau khi về sống chung thì vợ chồng vẫn không thể hàn gắn tình cảm, mặc dù cả hai bên gia đình đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có hiệu quả. Anh B cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Kể từ năm 2022 vợ chồng chính thức sống ly thân cho đến nay và không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Điều này, được thể hiện tại lời khai của nguyên đơn, bị đơn cũng như biên bản xác minh của Tòa án tại UBND phường Tam Điệp. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[3] Về con chung: vợ chồng chị C và anh B có 01 con chung là cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 23/09/2013. Xét thấy, cả hai vợ chồng chị C đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy cháu Tuấn A vẫn luôn ở với chị C cho đến nay, chị Lại Thị C có công việc và thu nhập ổn định lại được bố mẹ đẻ hỗ trợ chỗ ở và chăm sóc cháu Phạm Tuấn A. Còn anh B không tham gia các buổi Hòa giải của Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu chứng minh hiện anh làm công việc gì, thu nhập hàng tháng là bao nhiêu. Mặt khác, cháu Tuấn A có nguyện vọng được ở với chị C. Do vậy, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu Tuấn A cần giao cháu Phạm Tuấn A cho chị Lại Thị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là có căn cứ.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*” chị C đề nghị Tòa án buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng là 2.000.000 (hai triệu đồng) trên tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2025 đến khi cháu Phạm Tuấn A đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về chia tài sản: chị Lại Thị C và anh Phạm Sỹ B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lại Thị C là người khởi kiện xin ly hôn, anh Phạm Sỹ B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Lại Thị C phải chịu án phí ly hôn, anh Phạm Sỹ B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82; 83, 84 Điều 110; Điều 116; 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, chị Lại Thị C được ly hôn với anh Phạm Sỹ B.

3. Về con chung: giao cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 23/9/2015 cho chị Lại Thị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phạm Tuấn A đủ 18 tuổi, hiện cháu Phạm Tuấn A đang sống cùng chị Lại Thị C.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Phạm Sỹ B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng là 2.000.000 (hai triệu đồng) trên 1 tháng, kể từ tháng 10/2025 cho đến khi cháu Phạm Tuấn Anh đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lại Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn

nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000545 ngày 21/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình; chị Lại Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Sỹ B phải chịu phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 2 - Ninh Bình;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND phường Phù Vân, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đào Thị Huệ